

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8
SỐ 10 ĐÀO DUY TỬ - THANH PHỐ BUỒN MÃ THUỐT

*****◆*****

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ 2-2012

Tháng 06 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		29.374.796.781	28.809.504.255
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		768.056.411	831.475.257
1. Tiền	111	V.1	768.056.411	831.475.257
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		0	0
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	0	0
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.271.389.019	14.783.068.986
1. Phải thu khách hàng	131		12.778.121.640	13.697.775.007
2. Trả trước cho người bán	132		1.351.290.796	856.143.886
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	153.764.315	240.937.825
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(11.787.732)	(11.787.732)
IV. Hàng tồn kho	140		12.017.721.052	9.832.940.758
1. Hàng tồn kho	141	V.4	12.017.721.052	9.832.940.758
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.317.630.299	3.362.019.254
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.317.630.299	3.362.019.254
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		11.100.464.515	11.245.043.448
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II. Tài sản cố định	220		9.934.464.515	10.271.678.775
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	7.410.412.097	7.980.193.590
Nguyên giá	222		16.961.521.986	16.961.521.986
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.551.109.889)	(8.981.328.396)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.257.477.000	1.257.477.000
Nguyên giá	228		1.257.477.000	1.257.477.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		0	0
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	1.266.575.418	1.034.008.185
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.166.000.000	950.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	0
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	2.200.000.000	2.500.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.034.000.000)	(1.550.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		0	23.364.673
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	0	23.364.673
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.21	0	0
3. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		40.475.261.296	40.054.547.703

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		21.696.518.257	21.662.029.977
I. Nợ ngắn hạn	310		19.103.789.826	18.899.347.024
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	8.754.010.519	9.892.000.000
2. Phải trả người bán	312		1.200.589.656	1.240.455.110
3. Người mua trả tiền trước	313		996.964.103	2.240.202.483
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	932.283.459	1.152.440.207
5. Phải trả người lao động	315		1.534.995.959	2.217.473.709
6. Chi phí phải trả	316	V.17	4.223.794.560	117.802.639
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	1.479.143.740	2.069.027.852
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			0
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(17.992.170)	(30.054.976)
II. Nợ dài hạn	330		2.592.728.431	2.762.682.953
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	2.533.689.815	2.758.189.815
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		59.038.616	4.493.138
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		18.778.743.039	18.392.517.726
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	18.778.743.039	18.392.517.726
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		18.000.000.000	18.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		212.102.202	123.545.949
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		132.436.417	125.250.345
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		434.204.420	143.721.432
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			0
2. Nguồn kinh phí	432	V.23	0	0
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		0	0
Tổng cộng nguồn vốn	440		40.475.261.296	40.054.547.703

Buon Ma Thuot, ngày 07 tháng 07 năm 2012

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Giám đốc





Nguyễn Quang Thắng

Nguyễn Tráng Sỹ

Nguyễn Công Diệu

DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý II- Năm 2012

	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 2- 2012	Quý 2-2011	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (năm trước)
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	7.798.175.304	5.519.380.220	12.095.333.167	8.875.820.552
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02				-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		7.798.175.304	5.519.380.220	12.095.333.167	8.875.820.552
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.27	6.543.624.378	4.394.588.911	9.642.573.418	6.645.119.752
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.254.550.926	1.124.791.309	2.452.759.749	2.230.700.800
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	3.992.556	155.329.016	134.850.004	158.142.278
7.	Chi phí tài chính	22	VI.28	209.243.871	778.144.466	492.552.085	1.070.060.152
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		533.143.221	778.144.466	891.451.435	1.070.060.152
8.	Chi phí bán hàng	24		79.807.041	60.605.091	239.042.366	188.370.494
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		688.402.306	819.560.987	1.329.706.914	1.483.602.651
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		281.090.264	(378.190.219)	526.308.388	(353.190.219)
11.	Thu nhập khác	31		0		-	-
12.	Chi phí khác	32		0		-	-
13.	Lợi nhuận khác	40		0		-	-
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		281.090.264	(378.190.219)	526.308.388	(353.190.219)
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.30	49.190.796		92.103.968	-
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.32			-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		231.899.468	(378.190.219)	434.204.420	(353.190.219)
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.35	128,83	(210,11)	241,22	(196,22)

Lập biểu

Phụ trách kế toán

Buôn Ma Thuột, ngày 7 tháng 7 năm 2012

GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Nguyễn Quang Thắng



Nguyễn Tráng Sỹ



Nguyễn Công Diệu

DN - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPTT

Quý 2- Năm 2012

TT	Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý (năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý (năm trước)
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và DT khác	01		13.678.540.523	12.182.615.579
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		-4.581.330.383	-3.017.056.457
3	Tiền chi trả cho người lao động	03		-3.077.869.747	-1.759.072.361
4	Tiền chi trả lãi vay	04		-1.009.254.074	-1.050.711.491
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		0	-690.118.626
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.371.189.095	3.965.682.312
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		-5.179.886.900	-14.914.423.735
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.201.388.514	-5.283.084.779
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			0	0
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ & các TS dài hạn khác	21		-232.567.233	0
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các TS khác	22		0	0
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	0
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		182.899.350	0
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		134.850.004	158.142.278
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		85.182.121	158.142.278
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			0	0
1	Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của CSH	31		0	6.000.000.000
2	Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã phát hành	32		0	0
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		3.072.000.000	7.741.088.714
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-4.421.989.481	-8.141.299.735
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0	0
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	-589.876.766
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-1.349.989.481	5.009.912.213
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(63.418.846)	(115.030.288)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		831.475.257	607.850.195
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		768.056.411	492.819.907

Lập biểu

Phụ trách kế toán

Buôn Ma Thuột, ngày 07 tháng 07 năm 2012

GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Nguyễn Quang Thắng



Nguyễn Tráng Sỹ



Nguyễn Công Diệu

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO8

Mẫu số B09-DN

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Tel: 0500.3815 336

Fax: 0500.3858 921

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO8 (sau đây được viết tắt là "Công ty") tiền thân là Xí nghiệp Xây lắp điện Tây Nguyên thuộc Công ty Xây lắp điện 3, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Xây dựng điện 3.8 theo Quyết định số 132/2003/QĐ-BCN ngày 07/8/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và được đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO8 từ ngày 19/01/2006 theo Quyết định số 60 QĐ/XLĐ3.8-HĐQT của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp điện 3.8. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4003000031 ngày 19/11/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 12/3/2008.

Công ty có trụ sở chính tại: Số 10 Đào Duy Từ, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 03 ngày 12/3/2008 của Công ty là: 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng chẵn.).

Vốn thực góp tại ngày 30/06/2012 là: 18.000.000.000 đồng (Mười tám tỷ đồng chẵn.) trong đó:

- Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (VNECO) góp cổ phần với số tiền là: 10.068.090.000 đồng (Mười tỷ không trăm sáu mươi tám triệu không trăm chín mươi nghìn đồng chẵn) tương đương 55,93% vốn thực góp;
- Vốn góp của các cổ đông khác với số tiền là: 7.931.910.000 đồng (Bảy tỷ chín trăm ba mươi một triệu chín trăm mười nghìn đồng chẵn) tương đương 44,07% vốn thực góp.

2. Lĩnh vực kinh doanh chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là xây lắp các công trình nguồn điện, hệ thống lưới điện, trạm biến áp điện, các công trình công nghiệp và dân dụng, sản xuất kinh doanh các kết cấu bê tông, cột điện bê tông ly tâm các loại.

3. Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

- Xây lắp các công trình, nguồn điện, hệ thống lưới điện và trạm biến áp điện đến 500Kv, các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, viễn thông, văn hóa, thể thao;
- Sản xuất cột điện bê tông ly tâm và các sản phẩm bê tông đúc sẵn; gia công chế tạo các sản phẩm cơ khí;
- Khai thác và kinh doanh đá xây dựng, cát, sỏi và các chủng loại vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh vật tư thiết bị điện, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa;
- Kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế mới;
- Hoạt động sản xuất, mua bán điện;
- Đầu tư kinh doanh bất động sản;
- Đào tạo công nhân kỹ thuật, cán bộ quản lý phục vụ cho nhu cầu phát triển doanh nghiệp;
- Đại lý ô tô, phụ tùng ô tô các loại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm theo năm dương lịch của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (đ).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty thực hiện công tác kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền**

Các khoản tiền được ghi nhận trong Báo cáo tài chính bao gồm: tiền mặt, tiền gửi thanh toán tại các ngân hàng, tiền gửi tại công ty chứng khoán đảm bảo đã được kiểm kê, đối chiếu đầy đủ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra Đồng Việt Nam: các nghiệp vụ phát sinh không phải là Đồng Việt Nam (ngoại tệ) được chuyển đổi thành Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Số dư tiền và các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi thành Đồng Việt Nam theo tỷ giá mua bán thực tế bình quân liên ngân hàng thương mại do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho (tiếp theo)

Nguyên tắc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả về bảo hành các công trình xây dựng: Dự phòng phải trả về bảo hành các công trình xây dựng tuân thủ đồng thời ba (03) điều kiện ghi nhận theo *Chuẩn mực kế toán số 18 – “Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng”*. Dự phòng được lập vào cuối kỳ kế toán năm, trường hợp số dự phòng đã lập lớn hơn chi phí thực tế phát sinh thì số chênh lệch được hoàn nhập ghi tăng thu nhập khác

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định của Công ty được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định: Theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định hữu hình và vô hình: Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

Nguyên tắc lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn: Theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “*Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp*” và Thông tư số 34/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 16 - *Chi phí đi vay*.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước: Chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh bao gồm các khoản chi phí: Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định; Công cụ, dụng cụ xuất dùng một lần với giá trị lớn và bản thân công cụ, dụng cụ tham gia vào hoạt động kinh doanh trên một năm tài chính phải phân bổ dần vào các đối tượng chịu chi phí trong nhiều kỳ kế toán.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả: ghi nhận các khoản chi phí ước tính cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng thực tế chưa phát sinh việc chi trả do chưa có số liệu quyết toán chính thức với đơn vị cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Thặng dư vốn cổ phần: Được ghi nhận theo số chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá và chênh lệch tăng, giảm so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu ngân quỹ: Được ghi nhận theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu như chi phí giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận theo chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh do thay đổi tỷ giá chuyển đổi tiền tệ khi ghi sổ kế toán, chưa được xử lý tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc tăng giảm vốn điều lệ và phân phối lợi nhuận được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng: Tuân thủ 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*, doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích.

Doanh thu hoạt động xây lắp được ghi nhận khi giá trị xây lắp được xác định một cách đáng tin cậy căn cứ vào biên bản nghiệm thu khối lượng công trình hoàn thành và phiếu giá được xác định giữa chủ đầu tư và Công ty, hoá đơn đã lập và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

Doanh thu hoạt động tài chính: Tuân thủ 2 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*, bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng, cổ tức lợi nhuận được chia, lãi chênh lệch tỷ giá thực hiện, lãi thu được từ hoạt động kinh doanh chứng khoán.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm: Chi phí lãi tiền vay; chênh lệch tỷ giá hối đoái thực hiện cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; các khoản chi phí đầu tư tài chính khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền

14. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Thuế GTGT: Công ty thực hiện hạch toán và kê khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với doanh thu hợp đồng xây lắp là 10%.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Tel: 0500.3815 336

Fax: 0500.3858 921

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**01 - Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền mặt tại quỹ	345.359.858	38.250.036
Tiền gửi ngân hàng	422.696.553	793.225.221
Cộng	768.056.411	831.475.257

03 - Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải thu người lao động	98.701.813	90.971.323
Phải thu khác	55.062.502	149.966.502
Cộng	153.764.315	240.937.825

04 - Hàng tồn kho

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Nguyên liệu, vật liệu	454.465.900	616.082.258
Công cụ, dụng cụ	173.244.058	128.844.058
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.134.211.156	7.602.956.012
Thành phẩm	2.255.799.938	1.485.058.430
Cộng giá gốc hàng tồn kho	12.017.721.052	9.832.940.758

08 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
NGUYÊN GIÁ TSCĐ					
Tại ngày 01/01/2012	8.419.695.644	6.202.534.280	2.051.799.549	287.492.513	16.961.521.986
Tăng do mua sắm					
Thanh lý, nhượng bán					
Tại ngày 30/06/2012	8.419.695.644	6.202.534.280	2.051.799.549	287.492.513	16.961.521.986
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUYỆN KẾ					
Tại ngày 01/01/2012	2.703.823.577	4.182.573.487	1.864.979.018	229.952.314	8.981.328.396
Khấu hao trong năm	267.787.572	254.862.634	35.796.916	11.334.371	569.781.493
Thanh lý, nhượng bán					
Tại ngày 30/06/2012	2.971.611.149	4.437.436.121	1.900.775.934	241.286.685	9.551.109.889
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2012	5.715.872.067	2.019.960.793	186.820.532	57.540.199	7.980.193.590
Tại ngày 30/06/2012	5.448.084.495	1.765.098.159	151.023.615	46.205.828	7.410.412.097

(*) Nguyên giá TSCĐ cuối ngày đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.171.129.988 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Tel: 0500.3815 336

Fax: 0500.3858 921

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10 - Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị quyền sử dụng đất tại số 10 Đào Duy Từ, thành phố Buôn Ma Thuột. Trong kỳ, Công ty không có sự biến động tăng, giảm về tài sản cố định vô hình.

13 - Đầu tư dài hạn khác

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Góp vốn dài hạn vào Dự án thủy điện Krông Năng	2.200.000.000	2.500.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(1.034.000.000)	(1.550.000.000)
Cộng	1.166.000.000	950.000.000

(*) Trong kỳ đã bán 30.000 cổ phiếu Công ty cổ phần thủy điện Sông Ba (SBA). Giá cổ phiếu cuối kỳ 5.300 đồng.

14 - Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ		23.364.673
Cộng		23.364.673

15 - Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Vay ngắn hạn	7.410.010.519	8.962.000.000
Vay đối tượng khác	1.344.000.000	930.000.000
Cộng	8.754.010.519	9.892.000.000

16 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	763.067.713	1.080.560.236
Thuế thu nhập doanh nghiệp	163.800.870	71.696.902
Thuế thu nhập cá nhân	5.414.876	183.069
Cộng	932.283.459	1.152.440.207

(*) Thuế GTGT phát sinh trong quý 2-2012 được gia hạn và Thuế TNDN phát sinh trong quý 1, quý 2 năm 2012 được giảm 30% theo Nghị quyết 13/NQ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ.

17 - Chi phí phải trả

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí lãi vay phải trả		117.802.639
Chi phí phải trả khoản tiền thuê hạ tầng KCN Tâm Thắng	52.794.560	
Chi phí phải trả thầu phụ Công ty Sông Lam - 110BM_CK	4.171.000.000	
Cộng	4.223.794.560	117.802.639

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Tel: 0500.3815 336

Fax: 0500.3858 921

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18 - Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Kinh phí công đoàn	161.809.113	165.529.075
Bảo hiểm xã hội	703.267.948	390.458.191
Bảo hiểm y tế	227.320.278	443.168.522
Bảo hiểm thất nghiệp	254.393.749	217.465.382
Các khoản phải trả		6.610.066
Tiền đền bù thi công Ban A	97.937.683	
Các khoản phải trả khác	34.414.969	845.796.616
Cộng	1.479.143.740	2.069.027.852

20 - Vay và nợ dài hạn

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Vay ngân hàng	2.533.689.815	2.758.189.815
Vay Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam		
Cộng	2.533.689.815	2.758.189.815

22- Nguồn vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ Đầu tư phát triển	Quỹ Dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	12.000.000.000	592.745.949	125.250.345	0	12.717.996.295
- Tăng vốn trong kỳ trước	6.000.000.000				6.000.000.000
- Lãi trong kỳ trước	0	0	0	143.721.432	143.721.432
- Phân phối lợi nhuận	0	0	0	0	0
- Giảm vốn trong kỳ trước	0	0	0	0	0
- Giảm khác	0	(469.200.001)	0	0	(469.200.001)
Số dư cuối năm trước	18.000.000.000	123.545.949	125.250.345	143.721.432	18.392.517.726
Số dư đầu năm nay					
- Tăng vốn trong kỳ này	0	0	0	0	
- Lãi trong kỳ này	0	0	0	434.204.420	434.204.420
- Phân phối lợi nhuận	0	88.556.253	7.186.072	(143.721.432)	(47.979.107)
- Giảm vốn trong kỳ này	0	0	0		0
- Giảm khác	0	0	0	0	0
Số dư tại ngày 30/06/2012	18.000.000.000	212.102.202	132.436.417	434.204.420	18.778.743.039

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Tel: 0500.3815 336

Fax: 0500.3858 921

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vốn góp của Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	10.068.090.000	10.068.090.000
Vốn góp của người lao động	7.931.910.000	7.931.910.000
Cộng	18.000.000.000	18.000.000.000

c - Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức lợi nhuận được chia

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	18.000.000.000	18.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ		
+ Vốn góp giảm trong kỳ	0	0
+ Vốn góp cuối kỳ	18.000.000.000	18.000.000.000

d- Cổ tức

Cổ tức sau ngày kết thúc kỳ kế toán hiện chưa tính.

đ- Cổ phiếu

	30/06/2012	01/01/2012
	Cổ phần	Cổ phần
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.000.000	2.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.800.000	1.800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.800.000	1.800.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	0	0
+ Cổ phiếu phổ thông	0	0
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.800.000	1.800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.800.000	1.800.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND):	10.000	10.000

e- Các quỹ của doanh nghiệp :

- Quỹ đầu tư phát triển: 212.102.202 đồng;
- Quỹ dự phòng tài chính: 132.436.417 đồng;

(*) Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển: Năm 2012 chưa trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Quý1- Quý 2. Quỹ dùng phục vụ chiến lược đầu tư phát triển của công ty.
- Quỹ dự phòng tài chính: Năm 2012 chưa trích từ lợi nhuận sau thuế của Quý1- Quý 2. Quỹ được sử dụng để bù đắp các rủi ro tài chính phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Tel: 0500.3815 336

Fax: 0500.3858 921

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**25- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	6 tháng đầu Năm 2012	6 tháng đầu Năm 2011
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.095.333.167	8.875.820.552
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	1.645.819.510	1.722.015.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Doanh thu hợp đồng xây dựng	10.449.513.657	7.153.805.552

26- Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu Năm 2012	6 tháng đầu Năm 2011
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.918.754	70.671.153
Cổ tức lợi nhuận được chia	124.931.250	87.471.125
Cộng	134.850.004	158.142.278

27- Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu Năm 2012	6 tháng đầu Năm 2011
Giá vốn của hoạt động xây lắp	8.380.586.415	5.589.696.467
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.261.987.003	1.055.423.285
Cộng	9.642.573.418	6.645.119.752

28- Chi phí tài chính

	6 tháng đầu Năm 2012	6 tháng đầu Năm 2011
Lãi tiền vay	891.451.435	1.070.060.152
Lỗ do bán cổ phiếu	117.100.650	
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(516.000.000)	
Cộng	492.552.085	1.070.060.152

30- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu Năm 2012	6 tháng đầu Năm 2011
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế quý hiện hành (Được giảm 30% theo Nghị quyết 13/NQ-CP ngày 10/05/2012 của Chính phủ)	92.103.968	
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	92.103.968	

35- Lãi cơ bản trên cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Tel: 0500.3815 336

Fax: 0500.3858 921

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

	6 tháng đầu Năm 2012	6 tháng đầu Năm 2011
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	434.204.420	(353.190.219)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	434.204.420	(353.190.219)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.800.000	1.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	241,22	(196,22)

VII- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1- Thông tin về các bên liên quan:***** Công ty mẹ :**

- Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (VNECO) là Công ty mẹ có số cổ phần chi phối theo điều lệ hoạt động của Công ty. Trụ sở Công ty mẹ đặt tại số 234 Nguyễn Văn Linh, thành phố Đà Nẵng.

*** Các công ty trong Tổng công ty có giao dịch với Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 8**

- Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 5. Trụ sở đặt tại số 206 Lê Duẩn, thành phố Đông Hà - tỉnh Quảng Trị.
- Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 10. Trụ sở đặt tại Phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn - tỉnh Bình Định.

*** Các giao dịch chủ yếu giữa các bên liên quan:**

Tổng công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam (VNECO)	
Nội dung	Giá trị giao dịch (đ)
Giao dịch bán :	2.220.145.926
<i>Dịch vụ xây lắp:</i>	<i>2.220.145.926</i>
Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 5	
Nội dung	Giá trị giao dịch (đ)
Giao dịch bán :	104.018.907
<i>Dịch vụ xây lắp:</i>	<i>104.018.907</i>

*** Quan hệ thanh toán giữa các bên liên quan:**

STT	Khoản mục	Số dư đầu năm	Số phát sinh tăng trong năm	Số phát sinh giảm trong năm	Số dư cuối năm
A	Tổng công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam (VNECO)				
1	<i>Phải thu</i>	4.693.817.661	2.220.145.926	3.585.085.854	3.328.877.733
B	Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 5				
1	<i>Phải thu</i>	381.667.609	104.018.907		

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Tel: 0500.3815 336

Fax: 0500.3858 921

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

					485.686.516
C	Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 10				
1	Phải thu	22.369.483			22.369.483

2- Thông tin so sánh:

Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2012 được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh.

3- Tình hoạt động liên tục:

Không có dấu hiệu nào cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra không liên tục.

Buôn Ma Thuột, ngày 07 tháng 07 năm 2012

NGƯỜI LẬP**NGUYỄN QUANG THẮNG****PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN****NGUYỄN TRÁNG SỸ****GIÁM ĐỐC CÔNG TY****NGUYỄN CÔNG DIỆU**